

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH SÔNG THAO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH SÔNG THAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG THAO ENVIRONMENTAL GREEN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107008717

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 302 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983 564 066

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng lúa                                      | 0111     |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác        | 0112     |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                   | 0113     |
| 4.  | Trồng cây mía                                  | 0114     |
| 5.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                  | 0115     |
| 6.  | Trồng cây lấy sợi                              | 0116     |
| 7.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                      | 0117     |
| 8.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh | 0118     |
| 9.  | Trồng cây hàng năm khác                        | 0119     |
| 10. | Trồng cây ăn quả                               | 0121     |
| 11. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                     | 0122     |
| 12. | Trồng cây điều                                 | 0123     |
| 13. | Trồng cây hồ tiêu                              | 0124     |
| 14. | Trồng cây cao su                               | 0125     |
| 15. | Trồng cây cà phê                               | 0126     |
| 16. | Trồng cây chè                                  | 0127     |
| 17. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                | 0128     |
| 18. | Trồng cây lâu năm khác                         | 0129     |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp         | 0130     |
| 20. | Chăn nuôi trâu, bò                             | 0141     |
| 21. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la                        | 0142     |
| 22. | Chăn nuôi dê, cừu                              | 0144     |

|     |                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                            | 0145        |
| 24. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                        | 0146        |
| 25. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                           | 0149        |
| 26. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                            | 0150        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                             | 0161        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                              | 0162        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                          | 0163        |
| 30. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                            | 0164        |
| 31. | Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan                                                                                                      | 0170        |
| 32. | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                              | 0210(Chính) |
| 33. | Khai thác gỗ                                                                                                                                             | 0221        |
| 34. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                            | 0222        |
| 35. | Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác                                                                                                  | 0230        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                             | 0240        |
| 37. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                  | 0311        |
| 38. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                               | 0312        |
| 39. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                 | 0321        |
| 40. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                              | 0322        |
| 41. | Sản xuất giống thủy sản<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 0323        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN THỊ THANH HIỀN | Số 302 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 35.000     | 350.000.000           | 70        | 013539525                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 35.000     | 350.000.000           | 70        |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                     |                                    |       |            |       |           |  |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|-----------|--|
| 2 | ĐỖ THỊ THUY LIÊN | Thôn Đô Lương ,<br>Xã Bắc Sơn,<br>Huyện Sóc Sơn,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 7.400 | 74.000.000 | 14,80 | 011687814 |  |
|   |                  |                                                                                     | Tổng số                            | 7.500 | 75.000.000 | 15    |           |  |
|   |                  |                                                                                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100   | 1.000.000  | 0,20  |           |  |
| 3 | LA THỊ HÒA       | Thôn Trung<br>Thành, Xã Lục<br>Dạ, Huyện Con<br>Cuông, Tỉnh<br>Nghệ An, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100   | 1.000.000  | 0,20  | 186105807 |  |
|   |                  |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 7.400 | 74.000.000 | 14,80 |           |  |
|   |                  |                                                                                     | Tổng số                            | 7.500 | 75.000.000 | 15    |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: PHAN THỊ THANH HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 30/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013539525

Ngày cấp: 28/06/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 302 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 284, đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội